BỘ CHÍNH TRỊ
BỘ CHÍNH TRỊ
13-01-2026 09:40:23 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 80-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phát triển văn hoá Việt Nam

Văn hoá Việt Nam là kết tinh những giá trị tốt đẹp của dân tộc trong tiến trình hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước; là nguồn lực nội sinh quan trọng hun đúc trí tuệ, tâm hồn, khí phách và bản lĩnh người Việt Nam. Thực tiễn lịch sử cho thấy, mỗi thời kỳ đất nước phát triển mạnh mẽ đều gắn liền với sự phát triển rực rỡ về văn hoá. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn chú trọng phát triển văn hoá và con người Việt Nam, kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá thế giới. Trong thời kỳ đổi mới đất nước, tư duy và nhận thức về vai trò của văn hoá tiếp tục có những bước phát triển mới. Thể chế, chính sách được quan tâm, từng bước hoàn thiện. Nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hoá được tăng cường. Công nghiệp văn hoá đang trên đà phát triển. Các giá trị văn hoá thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội, khơi dậy truyền thống yêu nước, củng cố niềm tin và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Hội nhập quốc tế về văn hoá ngày càng được mở rộng, góp phần nâng cao tiềm lực, vị thế, uy tín, sức mạnh mềm của quốc gia.

Tuy nhiên, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam vẫn còn hạn chế, bất cập và gặp không ít khó khăn, thách thức. Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hoá chưa toàn diện và sâu sắc. Việc thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước còn chậm, chưa đồng bộ, có mặt thiếu đột phá. Môi trường văn hoá chưa thật sự lành mạnh, đạo đức xã hội còn biểu hiện xuống cấp, mất bản sắc. Đầu tư cho văn hoá còn thấp và dàn trải; nguồn lực chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước. Nguồn nhân lực văn hoá tồn tại nhiều bất cập. Cơ chế, chính sách chưa phát huy đầy đủ sức sáng tạo của các chủ thể, đặc biệt là đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ. Mức độ tiếp cận và thụ hưởng văn hoá của người dân còn chênh lệch giữa các vùng, miền, địa phương. Một số di sản văn hoá vật thể, phi vật thể xuống cấp, mai một chưa được khắc phục triệt để. Công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Sự bùng nổ các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới kéo theo sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai phản cảm, phi văn hoá gây xung đột giá trị và tác động tiêu cực đến việc gìn giữ và phát huy giá trị lịch sử, truyền thống văn hoá của dân tộc và xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong giai đoạn mới.

Thế giới đang trong tiến trình xác lập trật tự mới với những chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có, nổi bật là cạnh tranh giữa các nền văn hoá, trong đó có cạnh tranh giá trị và ảnh hưởng của công nghiệp văn hoá. Các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, cùng với tác động của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ đang làm thay đổi căn bản các chuẩn mực ứng xử và hệ giá trị văn hoá, đặt ra nhu cầu cấp thiết về định vị quốc gia trong trật tự thế giới mới. Yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đòi hỏi phải có những chủ trương, quyết sách đột phá mang tính chiến lược, đồng bộ nhằm khắc phục hạn chế, bất cập; chủ động nắm bắt thời cơ, vượt lên thách thức thúc đẩy phát triển văn hoá. Văn hoá phải đi trước soi đường, thấm vào từng quyết sách phát triển, đề cao giá trị nhân văn, chuẩn mực đạo đức xã hội. Xây dựng và phát triển văn hoá phải thực sự trở thành nền tảng vững chắc, sức mạnh nội sinh của dân tộc và hệ điều tiết cho phát triển nhanh, bền vững đất nước, hướng đến mục tiêu 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập Nước; khẳng định vị thế, tầm vóc nền văn hoá Việt Nam xứng tầm một quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có truyền thống văn hoá, văn hiến lâu đời, đóng góp xứng đáng vào dòng chảy văn minh nhân loại.

Từ tình hình trên, Bộ Chính trị yêu cầu tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh quan trọng, động lực to lớn, trụ cột, hệ điều tiết cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Các giá trị văn hoá phải được gắn kết chặt chẽ, hài hoà, thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường tới quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thực sự trở thành sức mạnh mềm của quốc gia trong kỷ nguyên mới.

2. Phát triển văn hoá vì sự hoàn thiện nhân cách con người xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới và xây dựng con người để phát triển văn hoá. Tạo lập môi trường văn hoá nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại. Phát triển toàn diện văn hoá, con người Việt Nam trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; phát huy truyền thống yêu nước, bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần tự chủ, tự cường dân tộc, đề cao đạo đức, tài năng, sức sáng tạo và khát vọng cống hiến vì sự phồn vinh, văn minh, hạnh phúc của Nhân dân và sự phát triển mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

3. Phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ văn hoá, doanh nhân đóng vai trò quan trọng, đồng thời đề cao tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Sự nghiệp phát triển

văn hoá vừa có ý nghĩa chiến lược, lâu dài, đồng thời cũng là yêu cầu cấp bách, cần được tiến hành chủ động, tích cực, sáng tạo, kiên trì, thường xuyên và phù hợp với điều kiện thực tế khách quan.

4. Đầu tư cho văn hoá là đầu tư cho phát triển bền vững đất nước, cho tương lai của dân tộc. Đổi mới căn bản, toàn diện tư duy về huy động mọi nguồn lực để phát triển văn hoá, trong đó nguồn lực nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, nguồn lực xã hội, khu vực tư nhân là động lực quan trọng; thể chế đóng vai trò then chốt, nhất là cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho văn hoá, thu hút, trọng dụng nhân tài. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tạo dựng không gian mới, xung lực mới cho phát triển văn hoá.

5. Phát huy tối đa giá trị và sức mạnh văn hoá, con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới; nhận thức và xử lý hài hoà, hiệu quả các mối quan hệ nội tại của văn hoá: Giữa "xây" và "chống"; truyền thống và hiện đại; dân tộc và quốc tế; bảo tồn và phát triển; đại chúng và bác học; đời sống thực và không gian số; dữ liệu mở và bảo đảm an ninh, chủ quyền văn hoá số.

II- MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

1.1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng; mang đặc trưng dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học, hiện đại. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh từ gia đình, nhà trường đến xã hội và không gian số. Phát triển văn học, nghệ thuật xứng tầm với lịch sử văn hoá dân tộc và tầm vóc đất nước trong kỷ nguyên mới. Cơ bản hoàn thành việc tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt; phục hồi, bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể, nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, cần bảo vệ khẩn cấp. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hoá; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp công nghiệp văn hoá, nghệ thuật sáng tạo. Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá; xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và thế giới.

1.2. Một số chỉ tiêu

- Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá quốc gia, bảo đảm 100% chính quyền địa phương 2 cấp, lực lượng vũ trang có thiết chế văn hoá đáp ứng được nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng văn hoá của người dân ở cơ sở và cán bộ, chiến sĩ, 90% thiết chế văn hoá cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Phấn đấu hoàn thành việc số hoá 100% các di sản văn hoá đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt vào năm 2026.

- 100% học sinh, học viên, sinh viên trong hệ thống giáo dục quốc dân được tiếp cận, tham gia hiệu quả, thường xuyên các hoạt động nghệ thuật, giáo dục di sản văn hoá.

- Bảo đảm nguồn lực tương xứng cho phát triển văn hoá; bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho văn hoá và tăng dần theo yêu cầu thực tiễn.

- Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 lĩnh vực đột phá: Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá và đặt hàng sáng tạo các công trình văn hoá, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Thực hiện chủ trương xã hội hoá văn hoá đúng hướng, hiệu quả; đấu tranh khắc phục khuynh hướng "thương mại hoá", chỉ coi trọng, đề cao một chiều lợi ích kinh tế trong hoạt động văn hoá, coi nhẹ lợi ích xã hội, nhân văn.

- Phát triển các ngành công nghiệp văn hoá đóng góp 7% GDP; hình thành từ 5 - 10 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hoá trong các lĩnh vực có tiềm năng, như: Điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hoá, thiết kế và thời trang,...

- Xây dựng thành công 5 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá quốc tế về điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật. Thành lập thêm từ 1 - 3 trung tâm văn hoá Việt Nam tại nước ngoài, ưu tiên các địa bàn đối tác chiến lược toàn diện. Phấn đấu thêm 5 di sản văn hoá được UNESCO công nhận, ghi danh.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong đó con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực của phát triển; các giá trị văn hoá giữ vai trò nền tảng, chuẩn mực và được thẩm thấu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Khẳng định vị thế văn hoá của quốc gia phát triển có thu nhập cao, định hướng xã hội chủ nghĩa. Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và quốc tế; trở thành một trong những trung tâm công nghiệp văn hoá - sáng tạo năng động, với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo thực sự trở thành trụ cột của phát triển bền vững, phấn đấu đóng góp 9% GDP.

- Có 10 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá tầm vóc quốc tế; phấn đấu thêm khoảng 8 - 10 di sản văn hoá được UNESCO công nhận, ghi danh.

- Phấn đấu nằm trong Top 3 khu vực ASEAN và Top 30 thế giới về Chỉ số Sức mạnh mềm (Soft Power Index) của quốc gia và giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghiệp văn hoá.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động nhằm phát triển văn hoá trong kỷ nguyên mới

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân quán triệt, nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về vai trò nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng của văn hoá trong phát triển đất nước. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, lãnh đạo quản lý các cấp trong thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hoá.

- Quán triệt quan điểm phát triển văn hoá ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội, gắn với xây dựng thế trận an ninh văn hoá, an ninh con người, chủ quyền văn hoá số. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, coi trọng yếu tố văn hoá trong hoạch định chính sách phát triển, tạo điều kiện thuận lợi, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển văn hoá. Văn hoá phải thấm sâu vào mọi quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án với tầm nhìn dài hạn và tiêu chuẩn cao, bảo đảm đồng bộ, tương hỗ với các chính sách, giải pháp đột phá về phát triển kinh tế, giáo dục, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Đề cao vai trò con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực quan trọng nhất của sự phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về văn hoá thường xuyên, liên tục, hiệu quả, trong đó báo chí, xuất bản đóng vai trò nòng cốt. Đa dạng hoá các phương thức truyền thông, chú trọng các hình thức truyền thông hiện đại, đặc biệt là truyền thông số. Tạo dựng và định hướng môi trường văn hoá, thông tin, thị hiếu lành mạnh; đẩy mạnh giáo dục các hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; phát hiện và nhân rộng các gương người tốt, việc tốt. Chủ động quảng bá văn hoá dân tộc ra thế giới, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại. Phát huy vai trò, sứ mệnh của văn nghệ sĩ, trí thức, người làm công tác văn hoá, doanh nhân, nghệ nhân dân gian, người có uy tín, có tầm ảnh hưởng, chức sắc tôn giáo như một lực lượng nòng cốt, cùng với toàn thể Nhân dân chung tay sáng tạo và lan toả giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

2. Hoàn thiện thể chế tạo đột phá chiến lược, khơi thông nguồn lực phát triển văn hoá

- Thể chế hoá đầy đủ, đồng bộ và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng về văn hoá. Tập trung xây dựng các luật về hoạt động nghệ thuật, văn học, bản quyền tác giả, công nghiệp văn hoá... theo hướng kiến tạo, khơi thông nguồn lực cho phát triển văn hoá. Sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật còn bất cập, chồng chéo; tháo gỡ các điểm

nghẽn, nút thắt về thể chế, đồng thời bổ sung khung pháp lý giải quyết những vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn. Bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, liên thông giữa pháp luật về văn hoá với pháp luật liên quan; giữa chính sách văn hoá với các chính sách về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tư nhân. Hoàn thiện thể chế, chính sách hội nhập quốc tế về văn hoá phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Bộ chỉ số văn hoá quốc gia, Bộ chỉ số thống kê về đóng góp của các ngành công nghiệp văn hoá đối với phát triển kinh tế theo chuẩn mực quốc tế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá; phát triển các mô hình kinh tế văn hoá mới, các dự án trọng điểm, quy mô lớn về văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp văn hoá tiếp cận và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nội dung số, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hoá và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số; chính sách thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn vào hạ tầng số và phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hoá; ưu tiên đầu tư phát triển các cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện. Thí điểm các mô hình kinh doanh văn hoá mới gắn với nền tảng số; khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hoá, đặc biệt là ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Có chính sách ưu đãi vượt trội về đất đai, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hoá, ưu tiên công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí.

- Có chính sách đặc thù, đột phá thúc đẩy hợp tác công tư trong lĩnh vực văn hoá, triển khai mô hình lãnh đạo công - quản trị tư; đầu tư công - quản lý tư; đầu tư tư - sử dụng công đối với một số thiết chế văn hoá, thể thao; khuyến khích mô hình bảo trợ văn hoá, nghệ thuật trên cơ sở đóng góp tự nguyện, phi lợi nhuận; phát huy vai trò chủ thể và trách nhiệm xã hội của tổ chức, cá nhân trong hệ sinh thái văn hoá. Xây dựng Quỹ văn hoá, nghệ thuật theo mô hình công tư. Xây dựng cơ chế đặc thù trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và phát huy tài năng văn hoá, nghệ thuật, thể thao; chú trọng các môn nghệ thuật truyền thống, đồng thời thúc đẩy các loại hình nghệ thuật đương đại; bảo đảm điều kiện giảng dạy, sáng tạo đặc thù và chăm sóc sức khoẻ chuyên biệt. Có chính sách hỗ trợ sáng tạo văn hoá trong không gian số, môi trường số, xã hội số, kinh tế số.

- Có chính sách đãi ngộ xứng đáng với nghệ nhân (dân gian), nghệ sĩ; tạo điều kiện thúc đẩy, hỗ trợ văn nghệ sĩ tham gia, đạt giải thưởng lớn tại các cuộc thi, triển lãm uy tín, danh giá về nghệ thuật của thế giới. Có cơ chế hiệu quả để đưa các tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao, di sản văn hoá của Việt Nam đáp ứng được tiêu chí bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị đang ở nước ngoài về

nước. Có cơ chế đặt hàng sáng tạo và phổ biến các công trình, tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

- Cho thực hiện thí điểm đối với những vấn đề cấp bách cần triển khai ngay để tạo đột phá cho văn hoá phát triển, nếu chưa có văn bản pháp luật quy định hoặc có quy định khác.

3. Chú trọng xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hoá nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại

- Lấy xây dựng nhân cách con người làm trọng tâm để định hướng hoạt động văn hoá, giáo dục, khoa học vào mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện về đức - trí - thể - mỹ; giúp con người nâng cao trí tuệ, tự hoàn thiện nhân cách, hình thành thế giới quan khoa học, hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ. Đặt giáo dục đạo đức và văn hoá lên hàng đầu trong các cơ sở giáo dục từ bậc mầm non; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong việc hình thành và hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Phát huy giá trị văn hoá "Bộ đội Cụ Hồ", 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân, mẫu hình "công bộc của dân", văn hoá nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gắn với xây dựng văn hoá trong Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ doanh nhân với chuẩn mực đạo đức và văn hoá kinh doanh mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá kinh doanh quốc tế.

- Triển khai đồng bộ hệ giá trị văn hoá (dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học), hệ giá trị quốc gia (hoà bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc), hệ giá trị gia đình (ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh), chuẩn mực con người Việt Nam (yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo). Kết hợp nhuần nhuyễn giữa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại, dân tộc với quốc tế, góp phần quan trọng phát triển toàn diện con người, đạo đức xã hội và phẩm cách quốc gia trong kỷ nguyên mới.

- Định hình môi trường văn hoá trong không gian phát triển của từng vùng, từng địa phương; phát huy không gian văn hoá đô thị, nông thôn, văn hoá biển và miền núi. Xây dựng môi trường văn hoá nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại; nêu cao văn hoá thượng tôn pháp luật từ gia đình, nhà trường, đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên nền tảng đạo đức, luật pháp, chuẩn mực xã hội và giá trị truyền thống, tinh thần đoàn kết, sẻ chia, tương thân, tương ái, trách nhiệm xã hội. Xây dựng môi trường thông tin số lành mạnh, nâng cao ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân trong không gian số; ban hành bộ quy tắc ứng xử trên không gian số; làm trong sạch môi trường văn hoá số.

- Phát triển văn hoá cơ sở phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp; xây dựng cộng đồng văn hoá cơ sở giàu bản sắc, sáng - xanh - sạch - đẹp; lấy khu dân cư là hạt nhân của môi trường văn hoá, người dân làm chủ thể và trung tâm. Gắn kết xây dựng văn hoá với tôn trọng, bảo vệ môi trường sinh thái; phát huy tính tự quản của cộng đồng, truyền thống gia đình, dòng họ; phát huy hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm đầy đủ và phát huy có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao. Phát huy nhân tố tích cực của văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng. Bảo tồn lễ hội truyền thống và định hướng phát triển các lễ hội mới nhằm phát huy bản sắc văn hoá, gắn với du lịch và phát triển kinh tế.

- Xây dựng thế trận văn hoá gắn với quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Chấn chỉnh, hạn chế, đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức, lối sống, các biểu hiện thực dụng, "lợi ích nhóm" trong hoạt động văn hoá. Kiên quyết xử lý thông tin xấu độc, phản văn hoá, tin giả trên mạng xã hội và phương tiện thông tin khác. Phát huy vai trò nền tảng của văn hoá trong việc hình thành bản lĩnh, "sức đề kháng" trước các tác động phức tạp và lệch chuẩn của văn hoá ngoại lai; giữ gìn thuần phong mỹ tục, vun đắp niềm tự hào và khát vọng cống hiến vì sự phát triển của đất nước.

- Bảo đảm đầy đủ quyền thụ hưởng và sáng tạo văn hoá, tiếp cận bình đẳng văn hoá; phát triển dịch vụ văn hoá, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân. Xây dựng và vận hành Nền tảng văn hoá số toàn dân, cung cấp miễn phí hoặc với chi phí thấp các dịch vụ thư viện số, bảo tàng số, nghệ thuật biểu diễn trực tuyến, lớp học nghệ thuật trực tuyến nhằm thu hẹp khoảng cách thụ hưởng văn hoá giữa các vùng, miền, tầng lớp nhân dân. Bảo đảm bình đẳng trong thụ hưởng các giá trị văn hoá đối với các nhóm yếu thế như người khuyết tật, người nghèo, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc thiểu số. Thống nhất chọn ngày 24/11 hằng năm là *"Ngày Văn hoá Việt Nam"*, với chủ trương là ngày nghỉ, người lao động được hưởng nguyên lương, để Nhân dân được nâng cao khả năng thụ hưởng văn hoá, đội ngũ văn nghệ sĩ được động viên sáng tạo, toàn xã hội đề cao, thực hành lối sống văn hoá, văn minh.

4. Đổi mới phương thức quản lý văn hoá theo hướng kiến tạo, phục vụ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo động lực bứt phá cho phát triển văn hoá

- Triển khai phương thức quản trị văn hoá hiện đại lấy hiệu quả và sự tham gia đa trung tâm (Nhà nước - thị trường - xã hội - cộng đồng sáng tạo) làm nguyên tắc cốt lõi; lấy minh bạch, trách nhiệm giải trình làm nền tảng; lấy sự sáng tạo, kết quả đổi mới thể chế, số hoá quy trình làm thước đo. Chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với xây dựng và minh bạch hoá các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn để quản lý và tổ chức thực hiện; ứng dụng công nghệ số trong giám sát, định hướng nội dung văn hoá trực tuyến; ban hành tiêu chuẩn đối với

sản phẩm và môi trường văn hoá số; phát triển dịch vụ văn hoá số gắn với cơ chế quản lý phù hợp, hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn dùng chung, bản đồ số văn hoá, phát triển nền tảng phân phối nội dung số, công cụ bảo vệ bản quyền, ứng dụng phân tích dữ liệu, công nghệ số trong một số lĩnh vực của văn hoá.

- Tổ chức bộ máy quản trị văn hoá tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, chuyển từ quản lý sang quản trị, phân cấp, phân quyền rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, thuận tiện, minh bạch; nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hoá cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực văn hoá. Tôn trọng sự tồn tại và phát triển các dòng văn hoá lành mạnh; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển dòng văn hoá đại chúng gắn với nguyên tắc "dân tộc hoá", "khoa học hoá", tăng cường vai trò chủ lưu của dòng văn hoá bác học.

- Chủ động thích ứng với sự phát triển của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong phát triển văn hoá. Xây dựng và khai thác hiệu quả hạ tầng dữ liệu văn hoá quốc gia, nền tảng số dùng chung bảo đảm kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; phát triển nội dung số, hạ tầng văn hoá số Việt Nam. Chuẩn hoá và số hoá toàn diện di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao; quản trị dữ liệu bảo đảm an ninh và chủ quyền văn hoá số. Phát triển hạ tầng số, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ thực tế ảo (Blockchain)... trong sản xuất, phân phối, tiêu dùng văn hoá và quản lý văn hoá. Xây dựng thiết chế "văn hoá số", "bảo tàng mở", "nhà hát di động", "thư viện số" thân thiện với mọi lứa tuổi.

- Chú trọng công tác truyền thông chính sách. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động và quản lý hệ thống truyền thông đại chúng, các phương tiện truyền thông mới; phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên nền tảng số; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu sáng tạo, an ninh văn hoá trên mạng và chủ quyền văn hoá số.

5. Xây dựng hệ sinh thái văn hoá, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, trong đó doanh nghiệp là động lực, người dân vừa là chủ thể vừa là trung tâm; nhận diện và ứng xử thích hợp tài nguyên văn hoá

- Xây dựng, phát triển hệ sinh thái văn hoá mang bản sắc Việt Nam, đa dạng, hiện đại, có sức mạnh dẫn dắt, thúc đẩy xã hội phát triển bền vững. Doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá, công nghiệp sáng tạo và giải trí là động lực then chốt thúc đẩy đổi mới sáng tạo văn hoá. Người dân vừa là chủ thể vừa là trung tâm của đổi mới sáng tạo văn hoá, đồng thời thụ hưởng trực tiếp giá trị và thành quả của văn hoá, tạo điều kiện

hình thành tầng lớp công chúng văn hoá hiện đại, gắn với môi trường số và đổi mới sáng tạo.

- Hình thành các không gian sáng tạo nội dung số, môi trường sáng tạo cho cộng đồng các doanh nghiệp và tổ chức sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ văn hoá thông qua các hoạt động kết nối và trao đổi. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; gắn kết văn hoá với du lịch, thương mại và công nghệ, hình thành chuỗi giá trị. Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo văn hoá - sáng tạo nội dung số. Định hướng xây dựng thị trường sản phẩm sáng tạo liên khu vực, hình thành các "trung tâm sáng tạo vùng" gắn với đô thị lớn, khu du lịch trọng điểm và cộng đồng sáng tạo nhằm góp phần nâng cao khả năng kết nối chuỗi giá trị sáng tạo trong nước và quốc tế.

- Nhận diện đầy đủ và khai thác hiệu quả tài nguyên văn hoá; lấy di sản văn hoá là trung tâm và tài nguyên văn hoá số là thế mạnh, hướng đến việc bảo tồn, phát huy, phát triển bền vững các giá trị văn hoá. Tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia sản xuất, tiêu dùng, phản biện và chia sẻ lợi ích từ tài nguyên văn hoá. Đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hoá lồng ghép vào mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, văn hoá, kinh tế, xã hội gắn với sinh kế cộng đồng, hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái văn hoá.

- Trọng dụng, tôn vinh, giải phóng sức sáng tạo, tạo môi trường thuận lợi để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật được bồi dưỡng, rèn luyện, sáng tạo, cống hiến, phát triển.

6. Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, thị trường văn hoá, định vị sản phẩm văn hoá thương hiệu quốc gia gắn với phát triển du lịch văn hoá

- Tập trung phát triển có trọng tâm, trọng điểm một số lĩnh vực công nghiệp văn hoá (điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, du lịch văn hoá, thiết kế, thời trang, thủ công truyền thống, trò chơi điện tử, ẩm thực và phần mềm/nội dung số). Triển khai nghiên cứu, xây dựng thí điểm các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong toàn bộ chuỗi giá trị của các ngành công nghiệp văn hoá từ sáng tạo, sản xuất, phân phối đến tiêu thụ và bảo vệ bản quyền.

- Xây dựng hạ tầng và kiến tạo thị trường trọng điểm cho các ngành công nghiệp văn hoá có lợi thế cạnh tranh; hình thành các cụm, khu và tổ hợp văn hoá - sáng tạo; phát triển tập đoàn văn hoá - sáng tạo tầm cỡ quốc gia và quốc tế; xây dựng và vận hành sàn giao dịch sản phẩm văn hoá, nghệ thuật, đặc biệt dưới dạng tài sản số.

- Củng cố thương hiệu địa phương bằng việc phát triển những sản phẩm, dịch vụ văn hoá độc đáo, giàu bản sắc; từng bước hình thành thương hiệu quốc

gia. Định vị và quảng bá thương hiệu quốc gia trên trường quốc tế mang đậm bản sắc văn hoá, con người Việt Nam. Đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ văn hoá, xuất bản phẩm truyền thông và đa phương tiện... Phát triển các thương hiệu văn hoá chất lượng cao, có sức cạnh tranh, đóng góp vào kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thương hiệu văn hoá mạnh trong chuỗi giá trị và cung ứng toàn cầu.

- Cấu trúc lại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của du lịch Việt Nam. Phát triển sản phẩm du lịch mang bản sắc văn hoá, giàu trải nghiệm; thúc đẩy du lịch thông minh, xanh, sạch, giảm phát thải; kết nối liên vùng, liên ngành; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia về du lịch, dịch vụ mang đậm bản sắc văn hoá, con người Việt Nam, thương hiệu điểm đến Việt Nam gắn với giá trị văn hoá.

7. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực văn hoá đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới

- Tiến hành nghiên cứu và định giá tổng giá trị kinh tế (TEV), phát triển thương hiệu điểm đến Việt Nam trên toàn cầu, biến di sản thành tài sản, hình thành mô hình "di sản dẫn dắt phát triển kinh tế" tại các khu di sản thế giới và một số đô thị di sản; phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường theo quan điểm bảo tồn di sản và phát triển bền vững của UNESCO.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đầu tư nhà nước trong lĩnh vực văn hoá, bảo đảm bố trí đủ kinh phí cho các chương trình, đề án đã được phê duyệt. Tăng đầu tư công cho văn hoá theo hướng trọng tâm, trọng điểm và thu hút đầu tư xã hội; ưu tiên lĩnh vực văn hoá cơ sở, di sản văn hoá, đổi mới sáng tạo, đào tạo, công nghiệp văn hoá, nhất là công nghệ số trong phát triển công nghiệp văn hoá. Tập trung đầu tư, hoàn thiện hạ tầng văn hoá, ưu tiên các thiết chế văn hoá quy mô quốc gia ngang tầm khu vực và quốc tế, như: Bảo tàng quốc gia, nhà hát quốc gia, trung tâm nghệ thuật quốc gia...; xây dựng, hoàn thiện, bảo đảm vận hành, khai thác đồng bộ có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở, tạo hệ thống dịch vụ văn hoá công hiện đại, phù hợp đặc thù vùng, miền, dân tộc.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, cán bộ cấp chiến lược, phát triển nguồn nhân lực văn hoá; chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người lao động, nhất là cán bộ chủ chốt và những người làm công tác văn hoá, nghệ thuật ở địa phương. Xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước về văn hoá.

- Đổi mới giáo dục nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục, giúp học sinh phát triển năng khiếu, chuẩn bị nguồn nhân lực sớm và định hướng thị hiếu

thẩm mỹ. Chú trọng xây dựng và phát triển các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo văn hoá theo mô hình tiên tiến, hiện đại. Phát triển chương trình đào tạo đặc thù về văn hoá, nghệ thuật, công nghiệp sáng tạo và quản trị dữ liệu văn hoá; cho phép đào tạo tích hợp phổ thông - nghệ thuật - công nghệ để hình thành đội ngũ nhân lực văn hoá - nghệ thuật - công nghệ chất lượng cao. Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo; tiếp tục gửi sinh viên, giảng viên, cán bộ đi đào tạo dài hạn, ngắn hạn về văn hoá, nghệ thuật ở các nước phát triển. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp văn hoá, nhất là nguồn nhân lực chuyên sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong văn hoá và đội ngũ sáng tạo nội dung số.

- Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về xây dựng và phát triển văn hoá; chủ động dự báo xu hướng thế giới; cung cấp luận cứ khoa học phục vụ công tác tham mưu, tư vấn xây dựng chiến lược, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm về văn hoá - văn minh Việt Nam, làm cơ sở cho công tác nghiên cứu, giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân và đời sống xã hội.

8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá, phát huy giá trị văn hoá Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, góp phần gia tăng sức mạnh mềm quốc gia

- Phát huy vai trò quan trọng của văn hoá trong các hoạt động đối ngoại các cấp, góp phần xây dựng thương hiệu quốc gia, nâng cao vị thế của đất nước. Phát huy giá trị văn hoá độc đáo, bản sắc dân tộc và năng lực sáng tạo của người Việt Nam; chủ động thích ứng với cạnh tranh ảnh hưởng trong khu vực và trên thế giới. Đưa văn hoá, nghệ thuật trở thành nội dung của chương trình chính thức trong khuôn khổ các chuyến thăm và làm việc của lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài và lãnh đạo cấp cao nước ngoài đến Việt Nam.

- Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về văn hoá của Việt Nam. Tăng cường đàm phán, ký kết các điều ước, thoả thuận quốc tế về văn hoá; nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết quốc tế, đặc biệt là các công ước về văn hoá và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong lĩnh vực quyền tác giả, sở hữu trí tuệ. Đưa nội dung văn hoá vào các hiệp định, thoả thuận hợp tác kinh tế, thương mại song phương và đa phương để tạo hành lang pháp lý thuận lợi, giảm rào cản và mở rộng thị trường cho sản phẩm văn hoá Việt Nam xuất khẩu, góp phần gia tăng sức mạnh mềm của quốc gia.

- Thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm văn hoá Việt Nam ở nước ngoài tại các quốc gia là đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược và đối tác toàn diện của Việt Nam; triển khai tham tán, tuỳ viên văn hoá; phát triển đội ngũ cán bộ văn hoá tại các tổ chức quốc tế và khu vực. Phát

huy vai trò cơ quan đại diện ngoại giao và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong quảng bá nền văn hoá dân tộc. Xây dựng và lan toả cuộc vận động "Tự hào là người Việt Nam"; mở rộng giảng dạy tiếng Việt, tạo điều kiện để người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức và cộng đồng quốc tế giới thiệu đất nước, con người, văn hoá Việt Nam; hỗ trợ nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ văn hoá, võ thuật, học tiếng Việt... tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc, hình thành chuỗi các nhà hàng ẩm thực Việt Nam ở nước ngoài.

- Đẩy mạnh đăng cai các sự kiện văn hoá, nghệ thuật quốc tế, tham gia sâu tại các diễn đàn lớn. Triển khai cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa truyền thông, ngoại giao văn hoá và xuất khẩu sản phẩm - dịch vụ công nghiệp văn hoá, xây dựng thương hiệu quốc gia cho sản phẩm và dịch vụ văn hoá - sáng tạo mang bản sắc Việt Nam; xuất khẩu sản phẩm - dịch vụ văn hoá có sức cạnh tranh toàn cầu (điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, du lịch văn hoá, thiết kế, thời trang, thủ công truyền thống, trò chơi điện tử, ẩm thực và phần mềm/nội dung số). Xây dựng và định hình thương hiệu, hàng hoá, sản phẩm Việt Nam mang giá trị văn hoá đặc sắc (như bền, đẹp, xanh, nhân văn...). Phát huy giá trị di sản văn hoá được UNESCO công nhận, ghi danh để quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia.

- Xây dựng Chiến lược truyền thông quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài, lấy văn hoá làm nền tảng, trụ cột, lan toả hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam là một quốc gia giàu bản sắc văn hoá, nhân văn, có trách nhiệm, đóng góp tích cực vào dòng chảy văn minh của nhân loại. Triển khai các chiến dịch truyền thông đa phương tiện toàn diện, đa nền tảng, đa ngôn ngữ, sử dụng hiệu quả truyền hình, báo chí, mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến; ưu tiên tổ chức tại các quốc gia là đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, địa bàn đông người Việt Nam ở nước ngoài sinh sống, đồng bộ với các thị trường quan trọng của thương mại, du lịch Việt Nam. Hợp tác với những người có ảnh hưởng và nhà sáng tạo nội dung toàn cầu để tiếp cận đối tượng khán giả trong khu vực và trên thế giới, phát triển mạng lưới "đại sứ văn hoá". Hỗ trợ/tài trợ công tác dịch thuật và xuất bản sách văn học, văn hoá nghệ thuật Việt Nam ra nước ngoài bằng nhiều ngôn ngữ và tạo điều kiện thuận lợi để giới thiệu các xuất bản phẩm tiếng nước ngoài tại Việt Nam. Triển khai các giải pháp hiệu quả chống lại sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai phản cảm, phi văn hoá, nhất là trên các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hoá Việt Nam do đồng chí Thường trực Ban Bí thư làm Trưởng Ban; thành phần gồm lãnh đạo các cơ quan liên quan để chỉ đạo, giám sát thường xuyên, tổ chức thực hiện toàn diện, có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết.

2. Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về phát triển văn hoá Việt Nam; tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định.

3. Đảng uỷ Chính phủ: (1) Phối hợp với Đảng uỷ Quốc hội kịp thời thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện, ban hành Nghị quyết của Quốc hội về phát triển văn hoá Việt Nam trong Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XVI với các cơ chế, chính sách ưu đãi cụ thể, khả thi, hiệu quả. (2) Chỉ đạo xây dựng trình Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp chưa được nêu cụ thể tại phần III trên đây để thực hiện hiệu quả các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết này; xây dựng Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết. (3) Chỉ đạo Đảng uỷ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chuẩn bị tài liệu; phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương tham mưu tổ chức Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai Nghị quyết.

4. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng, hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển văn hoá Việt Nam.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức quán triệt, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết thống nhất trong toàn hệ thống chính trị.

6. Các tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết; bảo đảm đầy đủ nguồn lực cho phát triển văn hoá, tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết tại địa phương.

7. Đảng uỷ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết; thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết theo hướng quản lý kết quả có các bộ chỉ số gắn với từng mục tiêu, lộ trình đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, báo cáo Bộ Chính trị để chỉ đạo.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tô Lâm

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.